

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2022-00119589  
 Mã số kết quả : AR-22-VD-129258-01-VI / EUVNHC-00186775



### CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ DIKA HAPPY

621 Ấp Định Hòa A, Xã Định Môn, Huyện Thới Lai  
 Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Tên mẫu : Lêkima Sấy Dẻo  
 Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong túi nhựa  
 Ngày nhận mẫu : 30/09/2022  
 Thời gian thử nghiệm : 01/10/2022 - 17/10/2022  
 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 18/10/2022  
 Mã số PO của khách hàng : S732220930136-CT

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD340 VD (a) <i>Coliforms</i>	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD398 VD (a) <i>Bacillus cereus</i>	cfu/ g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD16W VD (a) <i>E. coli</i>	/g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)	Không phát hiện
5	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)	9.5x10 <sup>2</sup>
6	VD0GC VD Tổng số bào tử nấm men & nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	7.0x10 <sup>1</sup>
7	VD157 VD (a) Xơ dinh dưỡng	%	AOAC 991.43	16.0
8	VD165 VD (a) Béo	%	EVN-R-RD-2-TP-3498 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	1.86
9	VDCAC VD Carbohydrates	%	AOAC 986.25 mod.	81.1
10	VD263 VD (a) Đạm	%	TCVN 10034:2013 (ISO 1871:2009)	2.47
11	VD304 VD (a) Đường tổng	%	EVN-R-RD-2-TP-3482 (Ref. TCVN 4594:1988)	50.8
12	VD543 VD Năng lượng	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	351
13	VD652 VD (a) Acid béo bão hòa	%	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017 & AOAC 996.06)	0.91
14	VD652 VD (a) Acid béo dạng trans	%	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017 & AOAC 996.06)	Không phát hiện (LOD=0.005)
15	VD652 VD (a) Acid béo không bão hòa	%	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017 & AOAC 996.06)	0.95
16	VD0WX VD (a) Độ ẩm	%	AOAC 934.06	13.33
17	VD009 VD (a)(d) Vitamin C (Acid Ascorbic)	mg/ 100 g	AOAC 2012.21	39.0
18	VD565 VD (a) Vitamin B <sub>1</sub> (Thiamin)	mg/ 100 g	EVN-R-RD-1-TP-3459 (Ref. BS EN 14122:2014)	Phát hiện vết (<0.15)

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

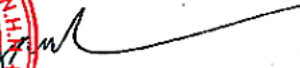
STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
19	VD664 VD (a) Vitamin B <sub>3</sub> (as Niacin)	mg/ 100 g	EVN-R-RD-1-TP-5643 (Ref. EN 15652:2009)	2.14
20	VD865 VD (a) Vitamin B <sub>2</sub> (Riboflavin)	mg/ 100 g	BS EN 14152:2014	Phát hiện vết (<0.15)
21	VDVDD VD Vitamin D	µg/ 100 g	EVN-R-RD-1-TP-5639 (Ref. EN 12821:2009; TCVN 8973:2011)	Không phát hiện (LOD=1)
22	VD991 VD Beta carotene	mg/ 100 g	AOAC 992.06 mod.	0.45
23	VD297 VD (a) Tro tổng	%	EVN-R-RD-2-TP-3497 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	1.30
24	VD864 VD (a) Cholesterol	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3580 (Ref. AOAC 994.10)	Không phát hiện (LOD=10)
25	VD128 VD (a) Canxi (Ca)	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-3507 (Ref. AOAC 968.08 (2011))	840
26	VD255 VD (a) Kali (K)	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-3500	4800
27	VD279 VD (a) Natri (Na)	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-3500	545
28	VD890 VD (a) Sắt (Fe)	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-5254 (Ref. AOAC 2015.01)	10.6
29	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
30	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
31	VD821 VD (a) Aflatoxin B1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
32	VD821 VD (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên



Nguyễn Thị Bảo Ngọc  
Trưởng phòng Dịch vụ phân tích CN Cần Thơ

Lưu Hải Đăng  
Giám Đốc Chi Nhánh Cần Thơ

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Bảo Ngọc 20/10/2022

### Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu. Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sac Kỳ Hải Đăng xây dựng. "VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Kỳ Hải Đăng. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (d) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận Phòng Thử Nghiệm Thức Ăn Chăn Nuôi.

## ANALYTICAL REPORT

Sample Code : 743-2022-00119589  
 Analytical Report : AR-22-VD-129258-01-EN / EUVNHC-00186775



### DIKA HAPPY INTERNATIONAL LIMITED COMPANY

621 Dinh Hoa A Hamlet, Dinh Mon Commune, Thoi Lai District,  
 Can Tho City, VIETNAM

Sample described as: Soft dried Lucuma  
 Conditioning: The sample is kept in plastic bag  
 Sample reception date: 30/09/2022  
 Analysis Time : 01/10/2022 - 17/10/2022  
 Client due date : 18/10/2022  
 Your purchase order reference: S732220930136-CT

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
1	VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Not detected (LOD=10)
2	VD340 VD (a) <i>Coliforms</i>	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Not detected (LOD=10)
3	VD398 VD (a) <i>Bacillus cereus</i>	cfu/ g	AOAC 980.31	Not detected (LOD=10)
4	VD16W VD (a) <i>E. coli</i>	/g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)	Not Detected
5	VD325 VD (a) Aerobic Plate Count	cfu/ g	TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)	9.5x10 <sup>2</sup>
6	VD0GC VD Total spores of yeasts & moulds	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	7.0x10 <sup>4</sup>
7	VD157 VD (a) Dietary fiber	%	AOAC 991.43	16.0
8	VD165 VD (a) Fat	%	EVN-R-RD-2-TP-3498 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	1.86
9	VDCAC VD Carbohydrates	%	AOAC 986.25 mod.	81.1
10	VD263 VD (a) Protein	%	TCVN 10034:2013 (ISO 1871:2009)	2.47
11	VD304 VD (a) Total sugars	%	EVN-R-RD-2-TP-3482 (Ref. TCVN 4594:1988)	50.8
12	VD543 VD Energy value (kcal)	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	351
13	VD652 VD (a) Saturated fatty acids in the product	%	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017 & AOAC 996.06)	0.91
14	VD652 VD (a) Trans fatty acids in the product	%	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017 & AOAC 996.06)	Not detected (LOD=0.005)
15	VD652 VD (a) Unsaturated fatty acids in the product	%	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017 & AOAC 996.06)	0.95
16	VD0WX VD (a) Moisture	%	AOAC 934.06	13.33
17	VD009 VD (a)(d) Vitamin C (Acid Ascorbic)	mg/ 100 g	AOAC 2012.21	39.0
18	VD565 VD (a) Vitamin B <sub>1</sub> (Thiamin)	mg/ 100 g	EVN-R-RD-1-TP-3459 (Ref. BS EN 14122:2014)	Traces (<0.15)

## ANALYTICAL REPORT

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
19	VD664 VD (a) Vitamin B <sub>3</sub> (as Niacin)	mg/ 100 g	EVN-R-RD-1-TP-5643 (Ref. EN 15652:2009)	2.14
20	VD865 VD (a) Vitamin B <sub>2</sub> (Riboflavin)	mg/ 100 g	BS EN 14152:2014	Traces (<0.15)
21	VDVDD VD Vitamin D	µg/ 100 g	EVN-R-RD-1-TP-5639 (Ref. EN 12821:2009; TCVN 8973:2011)	Not detected (LOD=1)
22	VD991 VD Beta carotene	mg/ 100 g	AOAC 992.06 mod.	0.45
23	VD297 VD (a) Ash	%	EVN-R-RD-2-TP-3497 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	1.30
24	VD864 VD (a) Cholesterol	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3580 (Ref. AOAC 994.10)	Not detected (LOD=10)
25	VD128 VD (a) Calcium (Ca)	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-3507 (Ref. AOAC 968.08)	840
26	VD255 VD (a) Potassium (K)	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	4800
27	VD279 VD (a) Sodium (Na)	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	545
28	VD890 VD (a) Iron (Fe)	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-5254 (Ref. AOAC 2015.01)	10.6
29	VD861 VD (a) Lead (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.017)
30	VD856 VD (a) Arsenic (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.01)
31	VD821 VD (a) Aflatoxin B <sub>1</sub>	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Not detected (LOD=0.5)
32	VD821 VD (a) Aflatoxins total (B <sub>1</sub> , B <sub>2</sub> , G <sub>1</sub> , G <sub>2</sub> )	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Not detected (LOD=0.5)

LOD: Limit Of Detection.

### SIGNATURE



Nguyễn Thị Bảo Ngọc  
Can Tho ASM Team Leader



Lưu Hải Đăng  
Business Unit Manager Food Testing Can Tho

Report electronically validated by Nguyễn Thị Bảo Ngọc 20/10/2022

### EXPLANATORY NOTE

This document can only be reproduced in full; it only concerns the submitted sample. Results have been obtained and reported in accordance with our general sales conditions available on request. The tests are identified by a five-digit code, their description is available on request. All test methods begin with characters EVN; A39; N79; EHC are internal methods developed by Eurofins Sac Ky Hai Dang. "VD": These tests were performed in laboratory Eurofins Sac Ky Hai Dang (Ho Chi Minh). The symbol (a) identifies the tests performed by this laboratory under accreditation ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. The symbol (d) identifies the tests performed by this laboratory under accreditation Animal Feed Testings Lab Certificate.

Mã số mẫu/Sample code Nr.: 743-2022-00119589

Mã số kết quả/ Analytical Report Nr.: AR-22-VD-129258-01 / EUVNHC-00186775

<b>Nutrition Facts</b>	
servings per container	
<b>Serving size</b>	<b>100g</b>
<b>Amount Per Serving</b>	
<b>Calories</b>	<b>350</b>
<b>% Daily Value *</b>	
<b>Total Fat</b> 2g	<b>3%</b>
Saturated Fat 1g	<b>5%</b>
<i>Trans</i> Fat 0g	
<b>Cholesterol</b> 0mg	<b>0%</b>
<b>Sodium</b> 55mg	<b>2%</b>
<b>Total Carbohydrate</b> 81g	<b>29%</b>
Dietary Fiber 16g	<b>57%</b>
Total Sugars 51g	
Includes -g Added Sugars	-
<b>Protein</b> 2g	
Vitamin D 0mcg	0%
Calcium 80mg	6%
Iron 1.1mg	6%
Potassium 480mg	10%
* The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.	

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo, Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành./  
Test results are valid only for test sample. The nutrition facts form is valid conference only. The customer should update it and comply with regulation currently.